

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

Tuyên Quang, năm 2020

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
 - 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo
 - 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH
 - 2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào
 - 2.1.1. Tầm nhìn
 - 2.1.2. Sứ mạng
 - 2.1.3. Mục tiêu chiến lược
 - 2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Văn hóa - Du lịch
 - 2.2.1. Tầm nhìn
 - 2.2.2. Sứ mạng
 - 2.3. Mục tiêu của chương trình
3. CHUẨN ĐẦU RA
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
 - 5.1. Thông tin tuyển sinh
 - 5.2. Quy trình đào tạo
 - 5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY
 - 6.1. Đội ngũ giảng viên
 - 6.2. Cơ sở vật chất
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP
 - 7.1. Các phương pháp dạy học
 - 7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ
 - 8.1. Quy trình đánh giá
 - 8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
 - 9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa
 - 9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
 - 9.3. Nội dung chương trình
 - 9.4. Kế hoạch giảng dạy
 - 9.5. Bản đồ dạy học
 - 9.6. Tóm tắt nội dung học phần
10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM
- ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
12. PHỤ LỤC
 - 12.1. Bản Chương trình đào tạo được phê duyệt

12.2. Bộ Đề cương chi tiết học phần

12.3. Hồ sơ xây dựng chuẩn đầu ra (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra)

12.4. Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chương trình đào tạo)

12.5. Hồ sơ tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế (Báo cáo tổng hợp, các chương trình tham khảo).

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Tân Trào, phù hợp định hướng phát triển kinh tế, xã hội, nhu cầu nguồn nhân lực, thị trường lao động của địa phương, của vùng kinh tế, tham khảo các tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng của quốc gia và quốc tế; đối sánh với các chương trình của các Trường Đại học uy tín khác trong và ngoài nước. Đến nay, chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành đã được rà soát, chỉnh sửa 3 lần theo đúng quy trình đánh giá chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 07/2015/TT-bgdđt ngày 16/4/2015.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành trình độ đại học năm 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTT ngày 23/10/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, đào tạo theo hướng thực hành nhằm đào tạo sinh viên toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và thái độ, năng lực tự chủ, trong đó nhấn mạnh năng lực thực hành và ý thức trách nhiệm xã hội, đảm bảo cho sinh viên có năng lực tự học, tự nghiên cứu để học tập suốt đời. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, trình độ năng lực chuyên môn của nhà tuyển dụng và xã hội.

Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu đào tạo, các chuẩn đầu ra thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học sau khi tốt nghiệp, nội dung chi tiết chương trình đào tạo, kế hoạch thực hiện và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo.

1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo

- + Tiếng Việt: Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành
- + Tiếng Anh: Tourism and Travel Services Management

- Mã ngành đào tạo: 7340301

- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

- Tên văn bằng tốt nghiệp

- + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Tourism and Travel Services Management

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Văn hóa - du lịch, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào

2.1.1. Tầm nhìn

TTrU sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng.

2.1.2. Sứ mạng

TTrU là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

2.1.3. Mục tiêu giáo dục

Chất lượng đào tạo là yếu tố cốt lõi để tồn tại và phát triển bền vững.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Văn hóa - Du lịch

2.2.1. Tầm nhìn

Khoa Văn hóa - Du lịch sẽ trở thành trung tâm phát triển văn hóa - du lịch bền vững, góp phần phát triển xã hội.

2.2.2. Sứ mạng

Khoa Văn hóa - Du lịch là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

2.3. Mục tiêu của chương trình

Đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức nền tảng và kiến thức tổng hợp về Kinh tế - Văn hóa - Xã hội, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; kiến thức chuyên sâu về Quản trị lữ hành, Quản trị sự kiện, Quản trị khách sạn đáp ứng nhu cầu xã hội, có ý thức phục vụ nhân dân, góp phần xây dựng, phát triển và hội nhập

Từ mục tiêu chung, Chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành hướng tới đào tạo người học đạt được các mục tiêu cụ thể (viết tắt là MT) như sau:

MT1: Có kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng, an ninh, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

MT2: Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội để vận dụng vào thực tiễn.

MT3: Có kiến thức chuyên môn toàn diện về lĩnh vực quản trị lữ hành, quản trị sự kiện, quản trị khách sạn.

MT4: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và xử lý các vấn đề liên quan đến công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn.

MT5: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có phong cách làm việc khoa học, năng động, sáng tạo.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, người học phải đạt được những yêu cầu sau:

Mã CĐR	Nội dung CĐR
VỀ KIẾN THỨC	
CĐR 1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất, để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
CĐR 2	Vận dụng những nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội để hoạt động trong lĩnh vực Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
CĐR 3	Vận dụng kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, công nghệ thông tin, ngoại

	ngữ để làm việc hiệu quả ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và chuyên sâu 1 trong 3 lĩnh vực: Quản trị lữ hành/ Quản trị sự kiện/ Quản trị khách sạn.
CĐR 4	Đánh giá mức độ tuân thủ các quy định về pháp luật, nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và thực hiện chuyên môn.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 5	Áp dụng kiến thức trong lập kế hoạch, quản lý, tổ chức, điều hành, hướng dẫn các hoạt động du lịch.
CĐR 6	Thực hiện hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh du lịch, kinh doanh khách sạn và tổ chức sự kiện.
Kỹ năng mềm	
CĐR 7	Kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, làm việc với cộng đồng. Có khả năng giải quyết các vấn đề và dẫn dắt khởi nghiệp.
CĐR 8	Sử dụng máy tính, khai thác mạng Internet, phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel, Powerpoint,...) phục vụ công tác chuyên môn.
CĐR 9	Vận dụng kiến thức giao tiếp tiếng Anh cơ bản để trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, diễn đạt một số tình huống chuyên môn thông thường.
Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR 10	Thực hiện tốt trách nhiệm công dân: Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Có ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn, phát huy tài nguyên du lịch.
CĐR 11	Có trách nhiệm với công việc, cộng đồng, xã hội; ý thức tổ chức kỉ luật tốt; có tinh thần vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ; phong cách làm việc khoa học; năng động, sáng tạo, khiêm tốn, cầu tiến trong học tập và trong công việc.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành trình độ đại học, người học có các cơ hội việc làm như sau:

- Chuyên viên trong các cơ quan quản lí nhà nước về du lịch, nhân viên tại các khu, điểm du lịch ...
- Hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên du lịch, nhân viên hoặc cán bộ tổ chức, quản lí, điều hành và triển khai hoạt động trong các khách sạn, nhà hàng, công ty lữ hành, vận chuyển, tổ chức sự kiện và các đơn vị dịch vụ khác.
- Có thể phát triển khả năng kinh doanh độc lập thông qua việc thành lập công ty kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành của cá nhân.
- Nghiên cứu khoa học du lịch, giảng dạy về du lịch tại các cơ sở đào tạo, các cơ sở nghiên cứu; liên quan tới các lĩnh vực du lịch và lữ hành..
- Tiếp tục theo học sau đại học để trở thành những chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực du lịch.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khỏe để học tập.

5.2. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường, 1 học kỳ thực hành nghề và thực tập tốt nghiệp tại cơ sở. Cuối khóa, sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên được đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quyết định 660/QĐ-ĐHTTr ngày 25/9/2017 của Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy ban hành theo Quyết định 1838/QĐ-ĐHTTr, Quyết định số 344/QĐ-ĐHTTr ngày 06/5/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo tại đại học - cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội tụ đủ các tiêu chuẩn theo Theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quyết định 660/QĐ-ĐHTTr ngày 25/9/2017 của Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy ban hành theo Quyết định 1838/QĐ-ĐHTTr, Quyết định số 344/QĐ-ĐHTTr ngày 06/5/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo tại đại học – cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên của khoa đều có trình độ từ Thạc sĩ trở lên (02 Tiến sĩ, 5 NCS, 15 thạc sĩ). Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là các Phó giáo sư từ các trường đại học danh tiếng của Việt Nam. Đội ngũ thỉnh giảng từ doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm thực tế. Đáp ứng trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, chuyên môn sâu, toàn diện gắn với thực tế nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội, góp phần nâng cao chất lượng, phát triển và hội nhập.

Khoa Văn hóa - Du lịch có đủ số lượng giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lễ hành. Hiện tại, khối lượng công việc, thời gian làm việc và định mức giờ chuẩn của giảng viên được thực hiện căn cứ vào Quy định chế độ làm việc của giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 949/QĐ-ĐHTTr ngày 14/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào. Nhà trường quy định cụ thể về việc quy đổi giờ chuẩn (giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác) đối với GV theo từng chức danh.

Hiện nay, Nhà trường đang tiếp tục thu hút các GV có trình độ cao, đầy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích GV đi học nghiên cứu sinh để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ tốt các hoạt động đào tạo ngành Kế toán.

6.2. Cơ sở vật chất

Khoa Văn hóa - Du lịch được bố trí 02 phòng làm việc được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, hệ thống điện, điều hòa, quạt, mạng wifi toàn trường... 01 phòng thực hành nhạc; 1 phòng thực hành hội họa có đầy đủ trang thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên.

Trường Đại học Tân Trào có 45 phòng học tiêu chuẩn, 01 hội trường lớn, 22 phòng thực hành, thí nghiệm trong đó có 02 phòng thực hành bao gồm 01 phòng thực hành máy tính và 01 phòng thực hành kế toán ảo. Các phòng học này đều được trang bị đầy đủ bảng chống lóa, máy chiếu, lắp đặt thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, hệ thống camera giám sát, hệ thống phòng máy tính gắn máy lạnh góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo, các trang thiết bị thường được bổ sung định kỳ. Tại Trung tâm Thông tin - Thư viện của Nhà trường có 03 phòng nghiên cứu tài liệu chuyên sâu - phòng học nhóm, các khu học tập thể, hệ thống wifi một số khu vực trong khuôn viên Nhà trường giúp sinh viên có môi trường tự học và làm việc nhóm tốt hơn, phát huy tối đa hiệu quả của công tác tự học, tự nghiên cứu trong sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường còn có 01 khu thể dục - thể thao với 01 nhà tập thể dục đa năng, sân bóng đá nhân tạo, sân bóng chuyên,...

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

7.1. Các phương pháp dạy học

Giảng viên lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học phù hợp giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần trong các phương pháp dạy học thể hiện ở đề cương chi tiết học phần (thuyết trình, tổ chức thảo luận, thực hành, thực tế; hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu...), làm bài tập hoặc vận dụng các phương pháp khác theo đặc thù của học phần phát huy tính tích cực của người học, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần; thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Cụ thể như sau:

Bảng 1. Hình thức và phương pháp giảng dạy

Hoạt động dạy học	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà cho sinh viên và kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận, seminar	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng - Bài học - Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán - Trình diễn mẫu - Luyện tập & thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng nào của giảng viên, các học phần được chọn	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu - Giải quyết vấn đề - Học tập thực tế

	lựa trong CTĐT có thể được tiến hành theo phương pháp dạy dựa trên dựa trên vấn đề, người học được tạo điều kiện môi trường tốt nhất về kinh phí và nguồn lực khác cho hoạt động học tập các học phần thực tập 1, 2 khóa luận tốt nghiệp.	- Nghiên cứu tình huống
Học tập trải nghiệm	Các học phần trong chương trình đào tạo được thiết kế học tập trải nghiệm như các môn cơ sở ngành, môn chuyên ngành sinh viên được trang bị học tập tại phòng thực hành hoặc thực tế lại thực địa, thực tập tại cơ sở thực tập.	- Mô phỏng - Hình ảnh tập trung - Đóng vai - Mô hình - Thực tế - Trải nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, làm thực nghiệm nhóm, thực tập cơ sở, tham quan thực tế và khóa luận tốt nghiệp.	- Tranh luận - Thảo luận - Giải quyết vấn đề - Học tập nhóm - Tương tác, phản hồi
Học tập độc lập	Hoạt động thực nghiệm, thiết kế trong học phần khóa luận tốt nghiệp, trình bày khóa luận, làm bài tập ở nhà, viết báo cáo thực hành, trình bày hồ sơ thực hành và học tập tự do.	- Phân công công việc cá nhân - Tự học, tự nghiên cứu

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành được rà soát định kỳ ít nhất 2 năm/lần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/4/2015). Từ khi mở mã ngành năm 2016, CTĐT ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành đã tiến hành rà soát, điều chỉnh 3 lần vào các năm 2017, 2018 và 2020 theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Để nâng cao chất lượng dạy học, hàng tháng Khoa xây dựng kế hoạch và triển khai công tác dự giờ của giảng viên để chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy và nghiệp vụ sư phạm. Kết thúc mỗi tháng, Khoa tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm đối với các giờ giảng được dự trong tháng.

Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên. Kết quả khảo sát được gửi về Khoa và tới từng giảng viên.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Việc đánh giá sinh viên được thực hiện theo Quy định Đào tạo Đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTT, ngày 28/09/2015 và Quy định tổ chức thi kết thúc học phần ban hành kèm theo Quyết định số 2209/QĐ-ĐHTT ngày 18/11/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí được quy định tại Điều 4, Quy định Đào tạo Đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTT, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ đã được nhà trường chấp nhận (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần theo thang điểm 4 mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy được đánh giá bằng các điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D là điểm trung bình của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá người học dựa trên chuẩn đầu ra của học phần và khối lượng kiến thức tương ứng với các tín chỉ trong học phần. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá cụ thể được đề cập trong đề cương chi tiết các học phần.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 129 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

- Kiến thức giáo dục đại cương: 29
- Kiến thức cơ sở ngành: 18
- Kiến thức ngành: 37
- Kiến thức chuyên ngành: 27
- Thực tập: 12
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 06

9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra										
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kiến thức				Năng lực tự chủ & trách nhiệm		
						Cứng		Mềm				
		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		
R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
A. Kiến thức giáo dục đại cương												
I. Lí luận chính trị												
LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin	3										
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị	3										
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3										
LL2.1.043.2	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	3										

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kiến thức				Năng lực tự chủ & trách nhiệm			
						Cứng		Mềm					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3											
II. Ngoại ngữ													
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1			2							3		
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2			3							3		
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3			2							3		
III. Tin học													
TN2.1.501.2	Tin học đại cương			2						3			
IV. Khoa học Xã hội và Nhân văn													
LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương		2					2					2
VD2.1.101.3	Nguyên tắc và Phương pháp Nghiên cứu khoa học				3	2							2
Tự chọn (<i>Chọn 2 trong 4 tín chỉ</i>)													
KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương		3										
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		2		2							3	
V. Giáo dục thể chất													
5.1. Học phần bắt buộc													
TC2.1.001.2	Giáo dục Thể chất 1	2											
5.2. Học phần tự chọn 1 (<i>chọn 3 trong 24 tín chỉ</i>)													
TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	2											
TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2											
TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	2											
TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	2											
TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	2											
TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	2											
TC2.1.018.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	2											
TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 1)	2											
5.3. Học phần tự chọn 2 (<i>chọn 2 trong 16 tín chỉ</i>)													
TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2											
TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2											
TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2											
TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3	2											

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kiến thức				Năng lực tự chủ & trách nhiệm				
						Cứng		Mềm						
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11		
	(Cầu lông 2)													
TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2												
TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2												
TC2.1.019.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2												
TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 2)	2												
VI. Giáo dục Quốc phòng - An ninh														
TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2												
TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2												
TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	2												
TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2												
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp														
I. Kiến thức cơ sở ngành														
<i>1.1. Học phần bắt buộc</i>														
LL2.1.015.2	Khoa học quản lý đại cương			2		2								
KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh		3											
NL2.1.013.2	Môi trường và con người				2							2		
VD2.1.001.2	Văn hóa tổ chức											2	3	
VD2.1.068.2	Tiến trình lịch sử Việt Nam		3											
TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương			2				1						
XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành							2						1
VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		3											
<i>1.2. Học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 tín chỉ)</i>														
LL2.1.008.2	Logic đại cương					1		1						
VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới		3											
KT2.1.110.2	Thống kê du lịch						2							
II. Kiến thức ngành														
<i>2.1. Học phần bắt buộc</i>														
VD2.1.002.3	Nhập môn khoa học du lịch			3										
VD21.124.2	Luật Du lịch				3							3		
TL2.1.065.3	Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch			3				2						
KT2.1.111.3	Kinh tế du lịch			3										
VD2.1.005.3	Văn hóa du lịch			3		2								

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kiến thức				Năng lực tự chủ & trách nhiệm			
						Cứng		Mềm					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	
KT2.1.112.3	Marketing du lịch						3						
VD2.1.128.3	Địa lý du lịch thế giới			3				2					
VD2.1.007.3	Phong tục tập quán và tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam			3				2					
VD2.1.1253	Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh thắng Việt Nam			3				2					
VD2.1.010.2	Hành vi tiêu dùng du lịch			3									
KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh							3					
VD2.1.126.2	Địa lí du lịch Việt Nam			3				2					
2.2. Học phần tự chọn (Chọn 4 trong 10 tín chỉ)													
KT2.1.114.2	Quản trị văn phòng đại cương				2								
VD2.1.011.2	Lí thuyết hệ thống				2	2							2
VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh			3				2	2				
VD2.1.135.2	Thanh nhạc thực hành			2									
KT2.1.013.2	Thanh toán quốc tế trong du lịch			2									
III. Kiến thức chuyên ngành (Chọn 1 trong 3 chuyên ngành)													
3.1. Chuyên ngành Quản trị Lữ hành													
3.1.1. Học phần bắt buộc													
NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch			3						3			1
VD2.1.015.3	Tuyến điểm du lịch Việt Nam			2				2					
VD2.1.016.3	Nghiệp vụ lữ hành			3									
VD2.1.017.3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch			3									
KT2.1.117.3	Quản trị kinh doanh lữ hành			2		3							
3.1.2. Học phần tự chọn (Chọn 12 trong 20 tín chỉ)													
VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch					2	3						
VD2.1.020.4	Du lịch sinh thái - văn hóa			3		2							
VD2.1.030.2	Văn hóa và nghệ thuật âm thực Việt Nam			2									
VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch					3							
VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng			2				3					
VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng			3	2							2	
VD2.1.025.2	Kiến trúc, mỹ thuật truyền thống			2									
VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc			2				2					
3.2. Chuyên ngành Quản trị Khách sạn													
3.2.1. Học phần bắt buộc													
NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch			3						3			1
VD2.1.027.3	Quản trị lễ tân và buồng			3									
VD2.1.028.3	Quản trị thực phẩm & đồ uống			3									

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kiến thức				Năng lực tự chủ & trách nhiệm			
						Cứng		Mềm					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	
KT2.1.115.3	Quản trị kinh doanh khách sạn			3	3								
VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện			3									
3.2.2. Học phần tự chọn (Chọn 12 trong 20 tín chỉ)													
VD2.1.030.2	Văn hóa và nghệ thuật âm thực Việt Nam			2									
VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch					2	3						
VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch					3							
VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng			2				3					
VD2.1.015.2	Tuyến điểm du lịch Việt Nam			2				2					
VD2.1.016.2	Nghiệp vụ lữ hành			3									
KT2.1.117.2	Quản trị kinh doanh lữ hành			2		3							
VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lý du lịch cộng đồng			3	2								
VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc			2				2					
3.3. Chuyên ngành Quản trị Sự kiện													
3.3.1. Học phần bắt buộc													
NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch			3						3		1	
VD2.1.022.2	Tổng quan về sự kiện							3	2				
VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện			3				3	3				
KT2.1.118.2	PR & truyền thông cho sự kiện								3				
VD2.1.033.3	Quản trị sự kiện			2				2					2
VD2.1.034.2	Thực hành lập dự án sự kiện							3					
3.3.2. Học phần tự chọn (Chọn 12 trong 18 tín chỉ)													
VD2.1.035.2	Ý tưởng kịch bản và sự kiện							3					
VD2.1.036.2	Gây quỹ và tìm tài trợ			3				3					
VD2.1.028.2	Quản trị thực phẩm & đồ uống			3									
VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch					2	3						
VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch							3					
VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng			2					3				
VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lý du lịch cộng đồng.			3	2								
VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc			2					2				
IV. Thực tập													
4.1. Thực tập 1 (Thực tập tổng hợp)													
VD2.1.038.4	Thực tập 1 (Thực tập tổng hợp)			3					2				3
4.2. Thực tập 2 (Thực tập 1 trong 3 chuyên ngành)													
VD2.1.039.4	Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Lữ hành)			3					2	2			3

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra										
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kiến thức				Năng lực tự chủ & trách nhiệm		
						Cứng		Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11
VD2.1.040.4	Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Khách sạn)			3				2	2			3
VD2.1.041.4	Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Sự kiện)			3				2	2			3
<i>4.3. Thực tập 3 (Thực tập tốt nghiệp)</i>												
VD2.1.042.4	Thực tập 3 (Thực tập tốt nghiệp)			3				2	2			3
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp												
<i>5.1. Khóa luận tốt nghiệp</i>												
VD2.1.043.6	Khóa luận TN				3			3	3			2
<i>5.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>												
VD2.1.127.3	Tài nguyên và kinh doanh du lịch			3				1				2
VD2.1.045.3	Quản lý và bảo vệ môi trường du lịch			3				1				3
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 129 tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)												

9.3. Nội dung chương trình

S TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, Tiểu luận, BT lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận			
A. Kiến thức giáo dục đại cương									
I. Lý luận chính trị			11						
1	LL2.1.0403	Triết học Mác - Lênin	3	45					
2	LL2.1.0412	Kinh tế chính trị	2	25	5			LL2.1.0403	
3	LL2.1.0422	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30				LL2.1.0412	
4	LL2.1.0432	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22,5			15	LL2.1.0422	
5	LL2.1.0442	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	22,5			15	LL2.1.0432	
II. Ngoại ngữ			9						
6	NN2.1.0013	Tiếng Anh 1	3	21	24				
7	NN2.1.0023	Tiếng Anh 2	3	21	24			NN2.1.001.3	
8	NN2.1.0033	Tiếng Anh 3	3	21	24			NN2.1.002.3	

S TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, Tiểu luận, BT lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận			
III. Tin học			2						
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15				
IV. Khoa học xã hội và nhân văn			7						
<i>4.1. Học phần bắt buộc</i>									
10	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	2	14	16				
11	VD2.1.101.3	Nguyên tắc và Phương pháp Nghiên cứu khoa học	3	28	17				
<i>4.2. Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 tín chỉ)</i>									
12	KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương	2	15	15				
13	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	30					
V. Giáo dục thể chất			5						
<i>5.1. Học phần bắt buộc</i>			2						
14	TC2.1.001.2	Giáo dục Thể chất 1	2		30				
<i>5.2. Học phần tự chọn 1 (chọn 3 trong 24 tín chỉ)</i>			3						
15	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4	41			TC2.1.001.2	
16	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	4	41			TC2.1.001.2	
17	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chày 1)	3	4	41			TC2.1.001.2	
18	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông-1)	3	3	42			TC2.1.001.2	
19	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2	43			TC2.1.001.2	
20	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	2	43			TC2.1.001.2	
21	TC2.1.018.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	2	43			TC2.1.001.2	
22	TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 1)	3	4	41			TC2.1.001.2	
<i>5.3. Học phần tự chọn 2 (chọn 2 trong 16 tín chỉ)</i>			2						
23	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2		30			TC2.1.002.3	
24	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2		30			TC2.1.003.3	
25	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chày 2)	2		30			TC2.1.004.3	
26	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3	2		30			TC2.1.005.3	

S TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, Tiểu luận, BT lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận			
		(Cầu lông 2)							
27	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2	28			TC2.1.006.3	
28	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2	28			TC2.1.007.3	
29	TC2.1.019.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2		30			TC2.1.018.3	
30	TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 2)	2		30			TC2.1.020.3	
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			9						
31	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3	45					
32	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2	30					
33	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	2	14	16			TC2.1.015.2	
34	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2	4		56		TC2.1.016.2	
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
I. Kiến thức cơ sở ngành			18						
<i>1.1. Học phần bắt buộc</i>			16						
35	LL2.1.015.2	Khoa học quản lý đại cương	2	25	5				
36	KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh	2	15	15				
37	VD2.1.001.2	Văn hóa tổ chức	2	24	6			LL2.1.015.2	
38	NL2.1.013.2	Môi trường và con người	2	16		24	6		
39	VD2.1.068.2	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2	15	15				
40	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	15	15				
41	XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành	2	14	16				
42	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	15			45		
<i>1.2. Học phần tự chọn (chọn 2/6 tín chỉ)</i>			2						
43	LL2.1.008.2	Logic đại cương	2	15	15			LL2.1.040.3	
44	VD2.1.130.2	Lịch sử Văn minh thế giới	2	24	6				
45	KT2.1.110.2	Thông kê du lịch	2	15	15				

S TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, Tiểu luận, BT lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận			
II. Kiến thức ngành			37						
2.1. Học phần bắt buộc			33						
46	VD2.1.0023	Nhập môn khoa học du lịch	3	30	15				
47	VD2.1.124.2	Luật Du lịch	2	15	15			LL2.1.007.2	
48	TL2.1.0653	Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	3	21	24				
49	KT2.1.111.3	Kinh tế du lịch	3	30	15			VD2.1.002.3 KT2.1.079.2	
50	VD2.1.005.3	Văn hóa du lịch	3	22	23				
51	KT2.1.112.3	Marketing du lịch	3	30	15				
52	VD2.1.128.3	Địa lí du lịch thế giới	3	15			90		
53	VD2.1.007.3	Phong tục tập quán và tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam	3	24	6		45	VD2.1.091.2	
54	VD2.1.125.3	Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh thắng Việt Nam	3	27	3		45	VD2.1.068.2	
55	VD2.1.010.2	Hành vi tiêu dùng du lịch	2	15	15			TL2.1.001.2	
56	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh	3	15	30				
57	VD2.1.126.2	Địa lí du lịch Việt Nam	2	15			45		
2.2. Học phần tự chọn (Chọn 4 trong 10 tín chỉ)			4						
58	KT2.1.114.2	Quản trị văn phòng đại cương	2	15	15			KT2.1.077.2	
59	VD2.1.011.2	Lí thuyết hệ thống	2	25		10			
60	VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh	2	7	11		36		
61	VD2.1.129.2	Thanh nhạc thực hành	2	5	24	4			
62	KT2.1.013.2	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	15	15				
III. Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 3 chuyên ngành)									
3.1. Chuyên ngành Quản trị Lữ hành			27						
3.1.1. Học phần bắt buộc			15						
63	NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	22	23			NN2.1.003.3	
64	VD2.1.015.3	Tuyên điểm du lịch Việt Nam	3	15			90	VD2.1.126.2	
65	VD2.1.016.3	Nghiệp vụ lữ hành	3	25	15	10		VD2.1.002.3	

S TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, Tiểu luận, BT lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận			
								VD2.1.0153	
66	VD2.1.0173	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	23	7	30		VD2.1.0163	
67	KT2.1.1173	Quản trị kinh doanh lưu hành	3	30	15			KT2.1.0772	
3.1.2. Học phần tự chọn (Chọn 12 trong 20 tín chỉ)			12						
68	VD2.1.0192	Xúc tiến du lịch	2	15	15			KT2.1.1123	
69	VD2.1.0204	Du lịch sinh thái - văn hóa	4	30		60	90	VD2.1.1262	
70	VD2.1.0302	Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	2	15	15			VD2.1.091.2	
71	VD2.1.0372	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch	2	15	15			VD2.1.002.3	
72	VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng	2	15	15			VD2.1.126.2	
73	VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lý du lịch cộng đồng	3	15	2	26	45	VD2.1.038.4	
74	VD2.1.025.2	Kiến trúc, mỹ thuật truyền thống	2	15			45		
75	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3	15			90	VD2.1.126.2	
3.2. Chuyên ngành Quản trị Khách sạn			27						
3.2.1. Học phần bắt buộc			15						
76	NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	22	23			NN2.1.003.3	
77	VD2.1.027.3	Quản trị lễ tân và buồng	3	28		4	45		
79	VD2.1.028.3	Quản trị thực phẩm và đồ uống	3	22	8	30		VD2.1.002.3 KT2.1.077.2	
80	KT2.1.115.3.	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	30	15			KT2.1.077.2	
81	VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện	3	17	24	8			
3.2.2. Học phần tự chọn (Chọn 12 trong 21 tín chỉ)			12						
82	VD2.1.030.2	Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	2	15	15			VD2.1.091.2	
83	VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch	2	15	15			KT2.1.112.3	
84	VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch	2	15	15			VD2.1.002.3	
85	VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng	2	15	15			VD2.1.126.2	

S TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, Tiểu luận, BT lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận			
86	VD2.1.0153	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	3	15			90	VD2.1.126.2	
87	VD2.1.0162	Nghiệp vụ lữ hành	3	25	15	10		VD2.1.002.3 VD2.1.015.3	
88	KT2.1.1172	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	30	15			KT2.1.077.2	
89	VD2.1.0093	Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng	3	15	2	26	45	VD2.1.038.4	
90	VD2.1.0263	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3	15			90	VD2.1.126.2	
3.3. Chuyên ngành Quản trị Sự kiện			27						
3.3.1. Học phần bắt buộc			15						
91	NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	22	23			NN2.1.003.3	
92	VD2.1.022.2	Tổng quan về sự kiện	2	15	15				
93	VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện	3	17	24	8			
94	KT2.1.118.2	PR và truyền thông cho sự kiện	2	15	15				
95	VD2.1.033.3	Quản trị sự kiện	3	16	14		45	VD2.1.022.2	
96	VD2.1.034.2	Thực hành lập dự án sự kiện	2	8	7	30		VD2.1.031.3	
3.3.2. Học phần tự chọn (Chọn 12 trong 19 tín chỉ)			12						
97	VD2.1.035.2	Ý tưởng kịch bản và sự kiện	2	16	14			VD2.1.022.2	
98	VD2.1.036.2	Gây quỹ và tìm tài trợ	2	15		30		VD2.1.022.2	
99	VD2.1.028.3	Quản trị thực phẩm và đồ uống	3	22	8	30		VD2.1.002.3 KT2.1.077.2	
100	VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch	2	15	15			KT2.1.112.3	
101	VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch	2	15	15			VD2.1.002.3	
102	VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng	3	16	14			VD2.1.126.2	
103	VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng	3	15	2	26	45	VD2.1.038.4	
104	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3	15			90	VD2.1.126.2	
IV. Thực tập			12						
4.1. Thực tập 1 (Thực tập tổng hợp)			4						
105	VD2.1.038.4	Thực tập 1 (Thực tập tổng hợp)	4				180		
4.2. Thực tập 2 (Thực tập 1 trong 3 chuyên ngành)			4						

S TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, Tiểu luận, BT lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận			
106	VD2.1.039.4	Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Lữ hành)	4				180	VD2.1.038.4	
107	VD2.1.040.4	Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Khách sạn)	4				180	VD2.1.038.4	
108	VD2.1.041.4	Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị sự kiện)	4				180	VD2.1.038.4	
4.3. Thực tập 3 (Thực tập tốt nghiệp)			4						
109	VD2.1.042.4	Thực tập 3 (Thực tập tốt nghiệp)	4				180	VD2.1.039.4 VD2.1.040.4 VD2.1.041.4	
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6						
5.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
110	VD2.1.043.6	Khóa luận TN	6				270		
5.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6						
111	VD2.1.127.3	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	3	23	22			VD2.1.042.4	
112	VD2.1.045.3	Quản lí và bảo vệ môi trường du lịch	3	24	21			VD2.1.042.4	
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 129 (Không tính Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)			129						

9.4. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
Học kỳ I				18									
<i>Học phần bắt buộc</i>													
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin		3	3								
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3								
3	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2								
4	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương		2	2								
5	TL2.1.001.2	Tâm lí học đại cương		2	2								
6	XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành		2	2								
7	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2	2								
8	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1		2	2								
<i>Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 tín chỉ)</i>													
9	KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương		2	2								
10	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		2	2								
Học kỳ II				19									

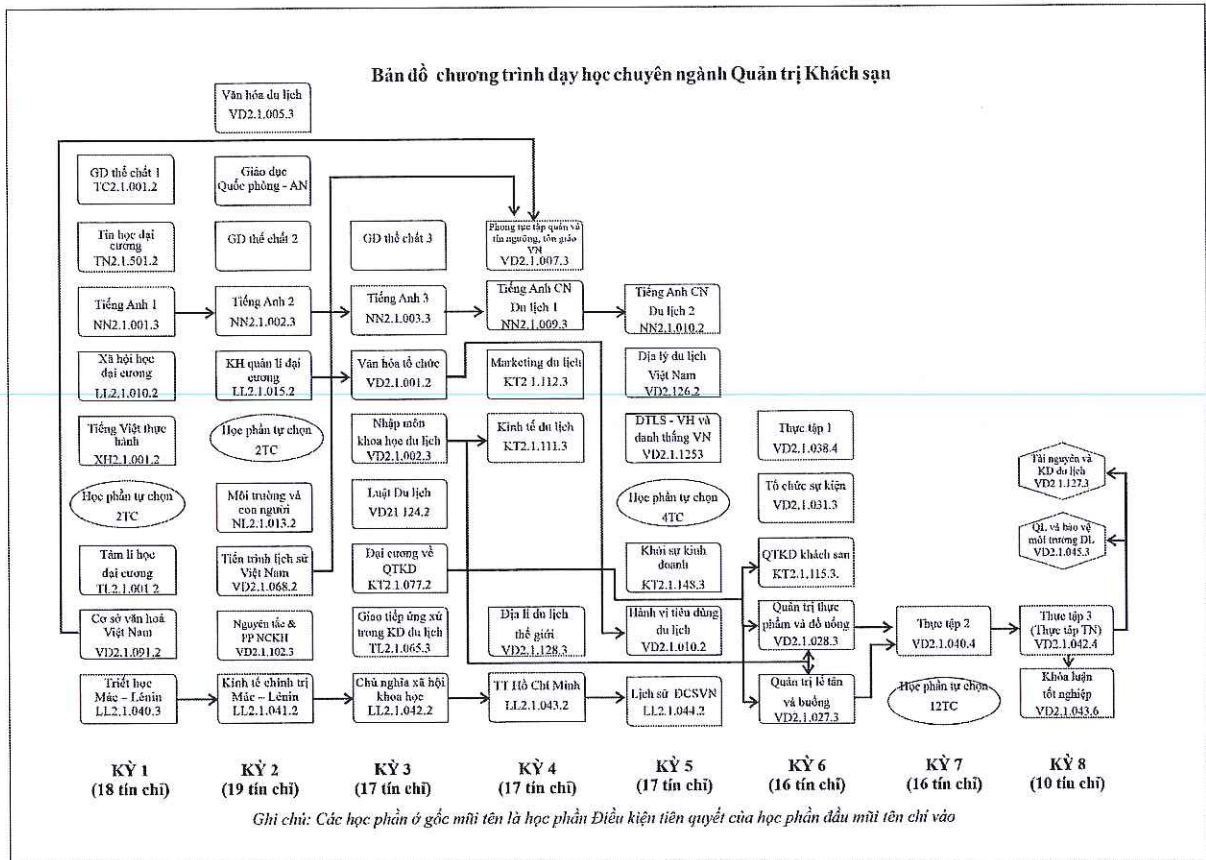
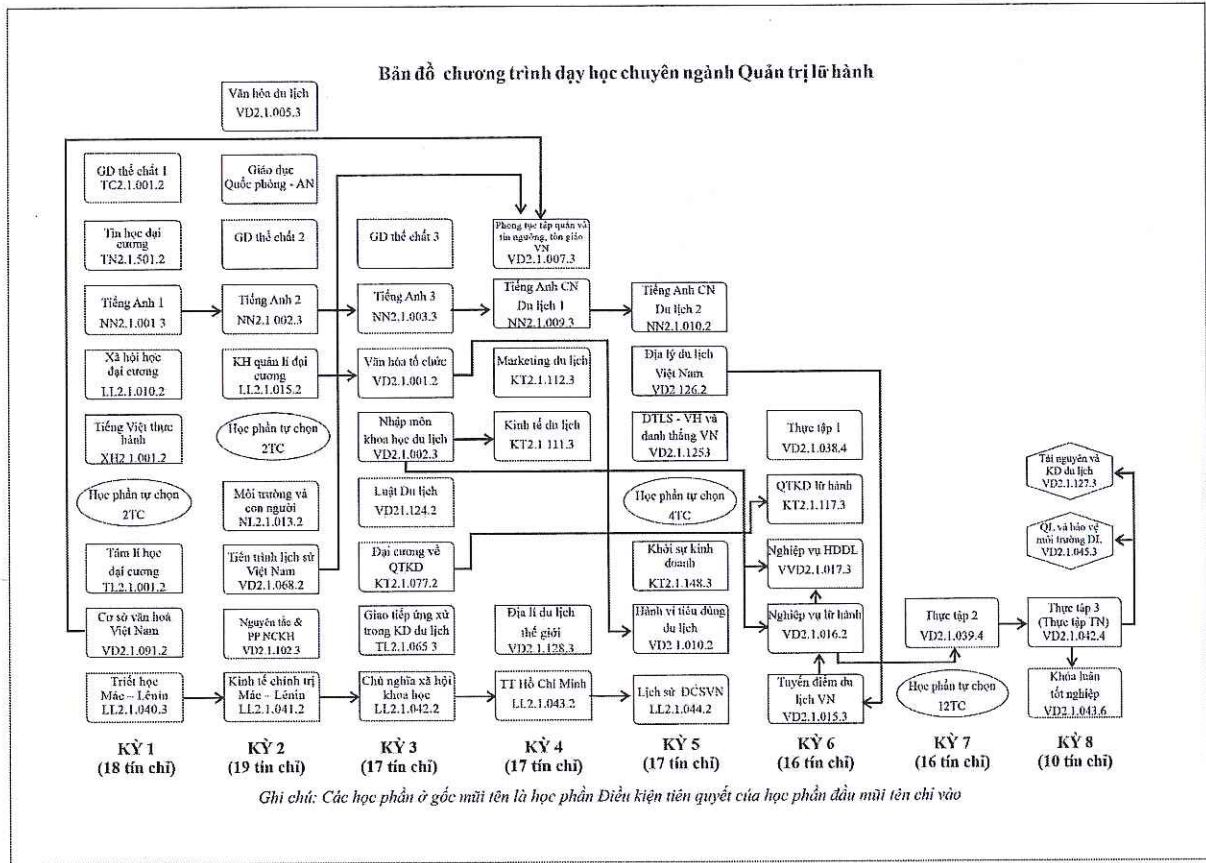
STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
<i>Học phần bắt buộc</i>														
11	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LL2.1.040.3	2		2								
12	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	3		3								
13	VD2.1.101.3	Nguyên tắc & Phương pháp Nghiên cứu khoa học		3		3								
14	VD2.1.068.2	Tiến trình lịch sử Việt Nam		2		2								
15	LL2.1.015.2	Khoa học quản lý đại cương		2		2								
16	NL2.1.013.2	Môi trường và con người		2		2								
17	VD2.1.005.3	Văn hóa du lịch		3		3								
<i>Học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 tín chỉ)</i>														
18	LL2.1.008.2	Logic học đại cương	LL2.1.040.3	2		2								
19	VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới		2		2								
20	KT2.1.110.2	Thống kê du lịch		2		2								
<i>Học phần tự chọn Giáo dục Thể chất 2 (chọn 3 trong 24 tín chỉ)</i>														
21	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	TC2.1.001.2	3		3								
22	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	TC2.1.001.2	3		3								
23	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chày 1)	TC2.1.001.2	3		3								
24	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	TC2.1.001.2	3		3								
25	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	TC2.1.001.2	3		3								
26	TC2.1.018.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	TC2.1.001.2	3		3								
27	TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 1)	TC2.1.001.2	3		3								
28	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	TC2.1.001.2	3		3								
Giáo dục Quốc phòng - An ninh														
29	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1		3		3								
30	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	TC2.1.002.3	2		2								
31	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	TC2.1.003.3	2		2								
32	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	TC2.1.004.3	2		2								
Học kỳ III				17										
<i>Học phần bắt buộc</i>					17									
33	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL2.1.041.2	2			2							
34	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.3	3			3							
35	KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh		2			2							
36	VD2.1.001.2	Văn hóa tổ chức	LL2.1.015.2	2			2							
37	VD2.1.002.3	Nhập môn khoa học du lịch		3			3							

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
38	VD21.124.2	Luật Du lịch	LL2.1.007.2	2			2						
39	TL2.1.065.3	Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch		3			3						
<i>Học phần tự chọn (chọn 2 trong 16 tín chỉ)</i>				2									
40	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	TC2.1.002.3	2			2						
41	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	TC2.1.003.3	2			2						
42	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	TC2.1.004.3	2			2						
43	TC2.1.019.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	TC2.1.018.3	2			2						
44	TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 2)	TC2.1.020.3	2			2						
45	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	TC2.1.005.3	2			2						
46	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	TC2.1.006.3	2			2						
47	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	TC2.1.007.3	2			2						
Học kỳ IV				17									
<i>Học phần bắt buộc</i>													
48	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.040.3 LL2.1.041.2 LL2.1.042.2	2				2					
49	KT2.1.112.3	Marketing du lịch		3				3					
50	KT2.1.111.3	Kinh tế du lịch	VD2.1.002.3 KT2.1.079.2	3				3					
51	VD2.1.128.3	Địa lí du lịch thế giới		3				3					
52	VD2.1.007.3	Phong tục tập quán và tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam	VD2.1.091.2	3				3					
53	NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	NN2.1.003.3	3				3					
Học kỳ V				16									
<i>Học phần bắt buộc</i>													
54	VD2.1.125.3	Di tích lịch sử - Văn hóa và danh thắng Việt Nam	VD2.1.068.2	3					2				
55	VD2.1.010.2	Hành vi tiêu dùng du lịch	TL2.1.001.2	2					2				
56	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh		3					3				
57	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản VN	LL2.1.043.2	2					2				
58	VD2.1.126.2	Địa lí du lịch Việt Nam		2					2				
<i>Học phần tự chọn (chọn 4 trong 10 tín chỉ)</i>													
59	KT2.1.114.2	Quản trị văn phòng đại cương	KT2.1.077.2	2					2				
60	VD2.1.011.2	Lý thuyết hệ thống		2					2				
61	VD2.1.135.2	Nhiếp ảnh		2					2				
62	VD2.1.013.2	Thanh nhạc thực hành		2					2				
63	KT2.1.013.2	Thanh toán quốc tế trong du lịch		2					2				

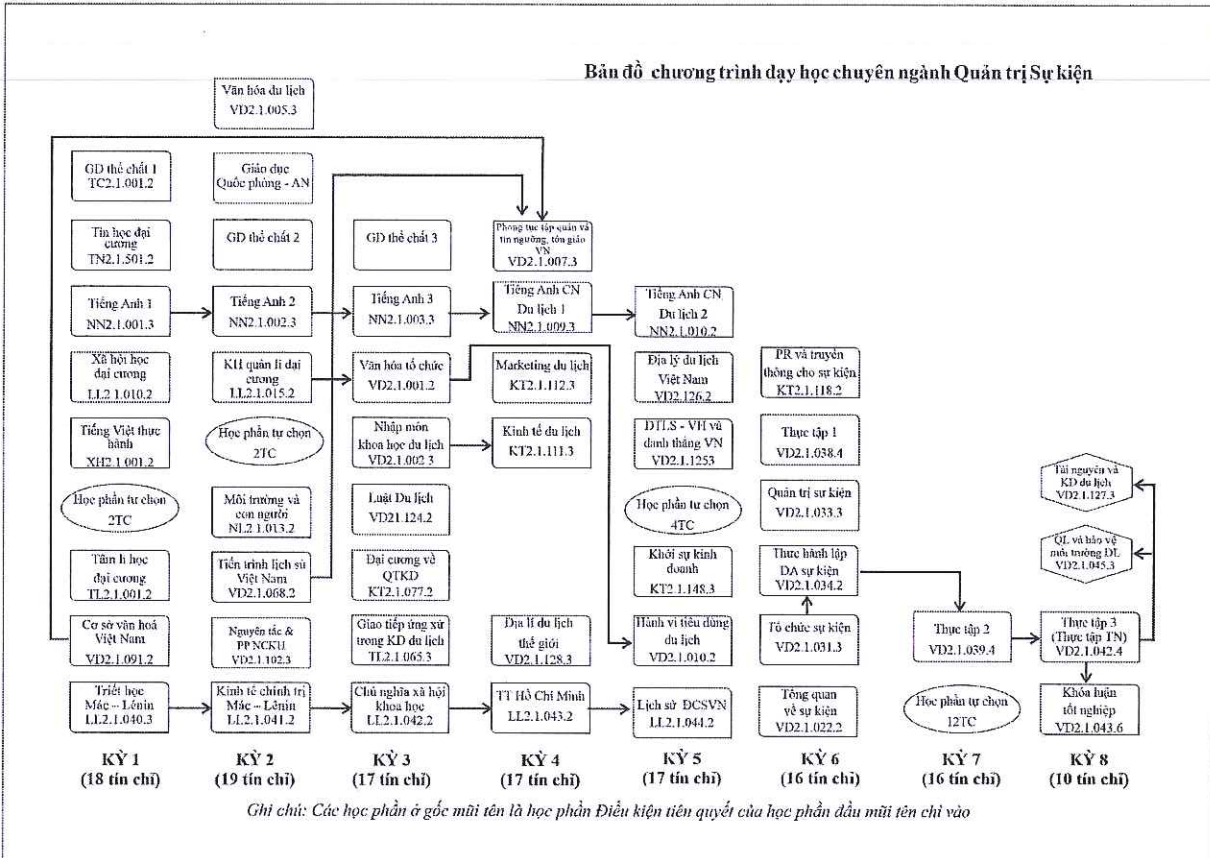
STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
Học kỳ VI				16									
64	VD2.1.038.4	Thực tập 1 (Thực tập tổng hợp)		4						3			
Chuyên ngành Quản trị Lữ hành													
<i>Học phần bắt buộc</i>													
65	VD2.1.015.3	Tuyển điểm du lịch VN	VD2.1.126.2	3						3			
66	VD2.1.016.3	Nghiệp vụ lữ hành	NN2.1.002.3 VD2.1.015.3.	3						3			
67	VD2.1.017.3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	VD2.1.016.3	3						3			
68	KT2.1.117.3	Quản trị kinh doanh lữ hành	KT2.1.077.2	3						3			
Chuyên ngành Quản trị Khách sạn													
<i>Học phần bắt buộc</i>													
69	VD2.1.027.3	Quản trị lễ tân và buồng		3						3			
70	VD2.1.028.3	Quản trị thực phẩm & đồ uống	VD2.1.002.3 KT2.1.077.2	3						3			
71	-KT2.1.115.3	Quản trị kinh doanh khách sạn	KT2.1.077.2	3						3			
72	VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện		3						3			
Chuyên ngành Quản trị Sự kiện													
<i>Học phần bắt buộc</i>													
73	VD2.1.022.2	Tổng quan về sự kiện		2						2			
74	VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện		3						3			
75	KT2.1.118.2	PR và truyền thông cho sự kiện		2						2			
76	VD2.1.033.3	Quản trị sự kiện	VD2.1.022.2	3						3			
77	VD2.1.034.2	Thực hành lập dự án sự kiện	VD2.1.031.3	2						2			
Học kỳ VII				16									
<i>Học phần tự chọn (Chọn 4 trong 12 tín chỉ)</i>													
78	VD2.1.039.4	Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Lữ hành)	VD2.1.016.2	4								4	
79	VD2.1.040.4	Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Khách sạn)	VD2.1.027.3 VD2.1.028.3	4								4	
80	VD2.1.041.4	Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Sự kiện)	VD2.1.034.2	4								4	
Chuyên ngành Quản trị Lữ hành													
<i>Học phần tự chọn (chọn 12 trong 20 tín chỉ)</i>													
81	VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch	KT2.1.112.3	2								2	
82	VD2.1.020.4	Du lịch sinh thái - văn hóa	VD2.1.126.2	4								4	
83	VD2.1.030.2	Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	VD2.1.091.2	2								2	
84	VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch	VD2.1.002.3	2								2	
85	VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng	VD2.1.126.2	2								2	
86	VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lý du lịch cộng đồng	VD2.1.038.4	3								3	
87	VD2.1.025.2	Kiến trúc, mỹ thuật truyền thống		2								2	
88	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	VD2.1.126.2	3								3	
Chuyên ngành Quản trị Khách sạn													
<i>Học phần tự chọn (chọn 12 trong 20 tín chỉ)</i>													
89	VD2.1.030.2	Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	VD2.1.091.2	2								2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
90	VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch	KT2.1.112.3	2								2	
91	VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch	VD2.1.002.3	2								2	
92	VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng	VD2.1.126.2	2								2	
93	VD2.1.015.3	Tuyển điểm du lịch VN	VD2.1.126.2	2								2	
94	VD2.1.016.2	Nghiệp vụ lữ hành	VD2.1.002.3 VD2.1.015.3	2								2	
95	KT2.1.117.2	Quản trị kinh doanh lữ hành	KT2.1.077.2	2								2	
96	VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng	VD2.1.038.4	3								3	
97	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	VD2.1.126.2	3								3	
		Chuyên ngành Quản trị Sự kiện											
		<i>Học phần tự chọn (chọn 12 trong 19 tín chỉ)</i>											
98	VD2.1.035.2	Ý tưởng kịch bản và sự kiện	VD2.1.022.2	2								2	
99	VD2.1.036.2	Gây quỹ và tìm tài trợ	VD2.1.022.2	2								2	
100	VD2.1.028.3	Quản trị thực phẩm và đồ uống	VD2.1.002.3 KT2.1.077.2	3								3	
101	VD2.1.019.2	Xúc tiến du lịch	KT2.1.112.3	2								2	
102	VD2.1.037.2	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch	VD2.1.002.3	2								2	
103	VD2.1.023.2	Diễn giảng công cộng	VD2.1.126.2	2								2	
104	VD2.1.009.3	Tổ chức và quản lí du lịch cộng đồng	VD2.1.038.4	3								3	
105	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	VD2.1.126.2	3								3	
Học kỳ VIII				10									
		<i>Học phần bắt buộc</i>											
106	VD2.1.042.4	Thực tập 3 (Thực tập tốt nghiệp)	VD2.1.039.4 VD2.1.040.4 VD2.1.041.4	4									4
107	VD2.1.043.6	Khóa luận tốt nghiệp		6									6
		<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>											
108	VD2.1.127.3	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	VD2.1.042.4	3									3
109	VD2.1.045.3	Quản lí và bảo vệ môi trường du lịch.	VD2.1.042.4	3									3
Tổng số tiết					18	19	17	17	16	16	16	10	
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)					129								

9.5. Bản đồ dạy học



Bản đồ chương trình dạy học chuyên ngành Quản trị Sự kiện



9.6. Tóm tắt nội dung học phần

9.6.1. Triết học Mác - Lênin: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về triết học nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về Triết học Mác - Lênin. Hiểu được quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

9.6.2. Kinh tế chính trị: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: LL2.1.0403

Học phần bao gồm nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác - Lê nin như: Hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền; học phần cung cấp cho người học kiến thức về Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trên cơ sở đó, người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá các hiện tượng kinh tế chính trị.

9.6.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: LL2.1.0403; LL2.1.041.2

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về CNXH Khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên CNXH để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn CNXH trên thế giới và trong nước.

9.6.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh; 2 TC

Điều kiện tiên quyết: LL2.1.0403; LL2.1.041.2; LL2.1.042.2

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình

thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người

9.6.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: LL2.1.043.2

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành tựu và nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.

9.6.6. Tâm lí học đại cương: 2 TC

Học phần bao gồm các kiến thức: Tâm lí học là một khoa học; Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lí; Sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

9.6.7. Kinh tế học đại cương; 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học bao gồm những nội dung về thị trường như cung - cầu hàng hóa dịch vụ, lý thuyết hành vi người tiêu dùng và hành vi của nhà sản xuất cùng với một số kiến thức tổng quan về nền kinh tế vĩ mô.

9.6.8. Tiếng Việt thực hành: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản và rèn luyện kỹ năng đặt câu và dùng từ.

9.6.9. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về khái niệm văn hoá, không gian văn hóa Việt Nam, loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cộng đồng, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội); bản sắc văn hóa dân tộc. Hình thành thái độ tích cực cho sinh viên với việc giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc.

9.6.10. Xã hội học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Xã hội học đại cương là một khởi đầu trong việc tiếp cận Xã hội học. Học phần gồm 30 tiết (2 tín chỉ), được chia thành 7 bài, mỗi bài sẽ có những nội dung, kiến thức riêng nhưng cơ bản là các thông tin về: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của Xã hội học; Một số khái niệm cơ bản

của Xã hội học; Một số lĩnh vực nghiên cứu của Xã hội học; Phương pháp nghiên cứu của Xã hội học, Cơ cấu xã hội

9.6.11. Pháp luật đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Pháp luật đại cương gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật; pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự; pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính; pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

9.6.12. Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu khoa học: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức về các nguyên tắc nghiên cứu khoa học, khái niệm nghiên cứu khoa học, phân loại nghiên cứu khoa học, sản phẩm nghiên cứu khoa học, lí thuyết khoa học, lựa chọn đề tài, đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu, đặt tên đề tài, xây dựng luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, trình bày luận điểm khoa học, tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu những vấn đề liên quan đến quản lí văn hóa.

9.6.13. Tiến trình lịch sử Việt Nam: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những nét chính về đặc trưng của các giai đoạn lịch sử trong tiến trình lịch sử Việt Nam (từ tiền sử đến thế kỉ X; từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX; nửa cuối thế kỷ XIX đến năm 1918; từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 1945; từ năm 1945 đến năm 1954; từ năm 1954 đến năm 1975; từ năm 1976 đến nay) và các kĩ năng cơ bản trong việc học tập và nghiên cứu khoa học.

9.6.14. Tiếng Anh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về thi hiện tại đơn, sự sở hữu, đại từ chỉ định; sở thích cá nhân, hoạt động thời gian rảnh rỗi; Mô tả về bản thân, gia đình, công việc, khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.

9.6.15. Tiếng Anh 2: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: NN2.1.001.3

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn; cách đưa ra ý kiến cá nhân, cách thể hiện mong muốn, sở thích, cách xác định vị trí, cách mô tả cảm xúc, và mô tả tranh, và mô tả một chuyến đi với các chủ đề thức ăn, thời trang, diện mạo bề ngoài bằng Tiếng Anh.

9.6.16. Tiếng Anh 3: 3TC

Điều kiện tiên quyết: NN2.1.002.4

Học phần bao gồm những kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Học phần còn trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc của đời sống hàng ngày như du lịch, phim và nghệ thuật...

Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn; cung cấp cho người học luyện các kỹ năng tiếng Anh và thực hành làm các bài thi dạng A2.

9.6.17. Tin học đại cương: 2 TC

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.

9.6.18. Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm một số kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm môn bơi lội, sơ lược lịch sử bơi lội, tác dụng của môn bơi lội, kỹ thuật bơi ếch.

9.6.19. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá, đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng bóng đá đối với người tập luyện, một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người, một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.

9.6.20. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về lịch sử, quá trình phát triển môn bóng bàn, cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị đánh bóng, kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật vụt nhanh thuận tay, kỹ thuật lúp bóng trái tay, kỹ thuật vụt nhanh trái, kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay.

9.6.21. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử, quá trình phát triển môn bóng chuyền; nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyền; kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền.

9.6.22. Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn cầu lông; quá trình phát triển của môn cầu lông, nguyên lý kỹ thuật cầu lông, cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị; kỹ thuật di chuyển; kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái), kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay, kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải, bên trái, kỹ thuật đập cầu thuận tay.

9.6.23. Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và quá trình phát triển võ Vovinam; kỹ thuật môn võ Vovinam.

9.6.24. Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chạy cự li ngắn, chạy cự li trung bình, nhảy cao, nhảy xa.

9.6.25. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nguồn gốc lịch sử, những nguyên lí kĩ thuật cơ bản của môn bóng rổ; vận dụng được kiến thức vào thực hiện các kĩ thuật cơ bản môn bóng rổ.

9.6.26. Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2): 3 T

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần bao gồm những kiến thức và kĩ năng cơ bản về kĩ thuật bơi ếch, kĩ thuật bơi trườn sấp.

9.6.27. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1).

Học bao gồm những kiến thức cơ bản về một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người, một số chiến thuật nâng cao trong bóng đá, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá.

9.6.28. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1).

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nguyên lí chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn, kĩ thuật vụt nhanh thuận tay, kĩ thuật vụt nhanh trái, kĩ thuật gò bóng thuận (trái) tay, kĩ thuật giạt bóng thuận (trái) tay, kĩ thuật phát bóng.

9.6.29. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1).

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về kĩ thuật các động tác môn bóng chuyền, chiến thuật thi đấu môn bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyền.

9.6.30. Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1).

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông; kĩ thuật đánh cầu cao tay bên phải (trái); kĩ thuật đánh cầu trên đỉnh đầu; kĩ thuật đập cầu; kĩ thuật đánh cầu gần lưới; chiến thuật thi đấu đơn; chiến thuật thi đấu đôi.

9.6.31. Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1).

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nguyên lí chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu môn Võ Vovinam, kĩ thuật môn võ Vovinam.

9.6.32. Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1).

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nguyên lí kĩ thuật nhảy cao, nhảy xa, các giai đoạn của kĩ thuật nhảy cao, nhảy xa, một số điển luật - phương pháp trọng tài của môn nhảy cao và nhảy xa.

9.6.33. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1).

Học phần bao gồm những kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về kỹ thuật môn bóng rổ, chiến thuật trong môn bóng rổ; thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ vào thi đấu.

9.6.34. Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 3): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2).

Học phần bao gồm những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bơi trườn sấp; Nắm được các bài tập hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn, các bài tập thể lực chuyên môn và thực hiện được kỹ thuật bơi trườn sấp, áp dụng vào tập luyện.

9.6.35. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam.

9.6.36. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1.

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

9.6.37. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2.

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự, giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh, thuốc nổ, phòng chống vũ khí hủy diệt lớn, cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh, từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

9.6.38. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3.

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự, giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh, thuốc nổ, phòng chống vũ khí hủy diệt lớn, cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh, từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

9.6.39. Khoa học quân lý đại cương: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khoa học quản lý như: nguyên tắc, phương pháp và chức năng quản lý; hoạch định; tổ chức, lãnh đạo; kiểm tra; thông tin và ra quyết định quản lý.

9.6.40. Đại cương về quản trị kinh doanh: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về đại cương quản trị kinh doanh, bao gồm: Kinh doanh và quản trị kinh doanh; Vận dụng các quy luật trong quản trị kinh doanh - các nguyên tắc và phương pháp quản trị kinh doanh; Thông tin và quyết định trong quản trị; Lập kế hoạch trong quản trị kinh doanh; Chức năng tổ chức trong quản trị kinh doanh; Điều hành trong quản trị kinh doanh; Chức năng kiểm tra.

9.6.41. Văn hóa tổ chức: 2TC

Điều kiện tiên quyết: LL2.1.0152

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm, bản chất, chức năng của văn hoá tổ chức; nội dung và hình thức biểu hiện của văn hoá tổ chức; hệ giá trị của tổ chức; xây dựng văn hoá tổ chức trong thực tiễn; Vai trò của nhà lãnh đạo trong việc xây dựng văn hóa tổ chức.

9.6.42. Môi trường và con người: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm những nội dung cơ bản về môi trường; tính hữu hạn của tài nguyên thiên nhiên; mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường và con người; sự gia tăng dân số quá mức cùng với các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người đã dẫn đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, suy thoái và ô nhiễm môi trường.

9.6.43. Logic học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: LL2.1.0403

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về cơ bản các hình thức cơ bản của tư duy và các quy luật, quy tắc trong quá trình thực hiện các thao tác logic đối với tư duy. Giúp cho người học hình thành được các kỹ năng cơ bản trong tư duy, suy luận và chỉ ra các lỗi thường gặp của các hình thức cơ bản của tư duy, tạo lập lối suy nghĩ mạch lạc, chính xác, thói quen diễn đạt có lập luận chặt chẽ, có căn cứ xác đáng.

9.6.44. Lịch sử Văn minh thế giới: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các kiến thức lí luận cơ bản về văn hóa, văn minh, văn hiến và những kiến thức về Sự hình thành và phát triển, những thành tựu văn hóa, văn minh nhân loại. - Những nền văn minh lớn trên thế giới thời kỳ cổ trung đại. Sự xuất hiện nền văn minh công nghiệp thời cận đại. Những thành tựu về khoa học kỹ thuật của nền văn minh thế giới thế kỷ XX.

9.6.45. Thống kê du lịch: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về thống kê tiềm năng du lịch, kết quả hoạt động du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động tiền lương, tài chính trong doanh nghiệp du lịch. Từ đó tính toán được các chỉ tiêu kinh tế cơ bản để nhận thức được về hoạt động thống kê trong ngành kinh doanh du lịch.

9.6.46. Nhập môn khoa học du lịch: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển du lịch trên thế giới và ở Việt Nam; các điều kiện phát triển du lịch; tính mùa vụ trong du lịch; các loại hình du lịch; mối tương tác giữa du lịch và các lĩnh vực khác; tổ chức quản lí ngành du lịch; sự hình thành khoa học liên ngành mới - khoa học du lịch.

9.6.47. Luật Du lịch: 2TC

Điều kiện tiên quyết: LL2.1.007.2

Học phần bao gồm những nội dung lý luận và thực hành về pháp luật du lịch. Hiểu được cách thức mà nội dung pháp luật về du lịch được soạn thảo và ban hành, trong mối tương quan tới hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững, qua đó nắm được quy định pháp lý hiện hành một cách chủ động. Đặc biệt là giúp sinh viên biết cách tự tìm hiểu các vấn đề pháp lý về hoạt động kinh doanh du lịch phù hợp.

9.6.48. Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về giao tiếp, ứng xử trong hoạt động kinh doanh du lịch, bao gồm: những vấn đề chung của giao tiếp, tâm lý phổ biến của khách du lịch và nghệ thuật ứng xử phù hợp với tâm lý của khách du lịch.

9.6.49. Kinh tế du lịch: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.002.3; KT2.079.2

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản hệ thống lí thuyết về thị trường du lịch; hoạt động của doanh nghiệp du lịch trong mối quan hệ tác động qua lại với môi trường kinh doanh và đánh giá khả năng sinh lời của một dự án đầu tư du lịch.

9.6.50. Văn hóa du lịch: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm văn hóa du lịch; cơ sở hình thành văn hóa du lịch; văn hóa du lịch trong phát triển du lịch ở Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch và các quan hệ hợp tác trong phát triển du lịch; Vai trò của văn hóa du lịch trong kinh doanh du lịch. Hiểu được định hướng phát triển văn hóa du lịch ở Việt Nam. Các mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa và du lịch; các giải pháp xây dựng văn hóa du lịch trong hoạt động du lịch ở Việt Nam.

9.6.51. Marketing du lịch: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản về marketing trong du lịch; môi trường marketing và kế hoạch marketing; quy trình phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị; các chiến lược marketing cơ bản của tổ chức (DN) du lịch: sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến hỗn hợp.

9.6.52. Địa lí du lịch thế giới: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về du lịch và kinh tế du lịch trên thế giới. Về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của 5 châu lục, 22 khu vực và

các thực thể địa chính trị tiêu biểu trên thế giới. Các tài nguyên du lịch tiêu biểu ở 5 châu lục, 22 khu vực và các thực thể địa chính trị tiêu biểu trên thế giới. Các điểm đến tiêu biểu thu hút khách du lịch hàng đầu thế giới ở các khu vực và các quốc gia tiêu biểu trên thế giới.

9.6.53. Phong tục tập quán và tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.091.2; VD2.1.068.2

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về phong tục tập quán, lễ hội truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam - Những kiến thức về dân gian trong đời sống tâm linh của người Việt. Đồng thời tìm hiểu các lễ hội tiêu biểu nhằm tăng thêm sự hiểu biết về một nền văn hóa đa dạng đậm đà bản sắc của dân tộc Việt Nam. Giúp sinh viên có kiến thức thực tế môn học, có cái nhìn tổng quan về sự thay đổi trong một số phong tục tập quán, lễ hội hiện nay so với truyền thống. Bước đầu thấy được những tác động của phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo đến phát triển du lịch hiện nay.

9.6.54. Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam : 3 TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.091.2; VD2.1.068.2

Học phần bao gồm khái niệm, đặc điểm của di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng; những di tích lịch sử văn hóa và danh thắng tiêu biểu. Đồng thời chỉ ra cách phân loại hệ thống di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam. Liên hệ vai trò của di tích lịch sử văn hóa và danh thắng đối với sự phát triển du lịch Việt Nam.

9.6.55. Hành vi tiêu dùng du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: TL2.1.001.2

Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về nghiên cứu hành vi tiêu dùng nói chung và trong du lịch nói riêng; quy luật, phương pháp nghiên cứu tâm lí con người; vấn đề nhu cầu, động cơ, thị hiếu, tâm trạng, quá trình tiêu dùng du lịch, đặc điểm tâm lí nhóm khách du lịch và nhóm người tham gia hoạt động du lịch, quản lí, kinh doanh và giao tiếp du lịch.

9.6.56. Khởi sự kinh doanh: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu và phát hiện các hành vi cần thiết để quyết định sẽ kinh doanh cái gì, kinh doanh như thế nào và kinh doanh ở đâu; Lập ra một doanh nghiệp cụ thể với các hành vi và nhiều quyết định cụ thể về vị trí, quy mô, công nghệ; Thiết lập các điều kiện cần thiết đưa doanh nghiệp phát triển.

9.6.57. Địa lí du lịch Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận của địa lí du lịch; các loại tài nguyên du lịch, sơ đồ vùng du lịch Việt Nam; các sản phẩm du lịch, các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế, các tuyến du lịch quan trọng của bảy vùng du lịch Việt Nam.

9.6.58. Quản trị văn phòng đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: KT2.1.077.2

Học phần bao gồm các khái niệm văn phòng, văn phòng hiện đại; chức năng, nhiệm vụ của văn phòng các cơ quan; những kiến thức cơ bản về quản trị văn phòng; những phương pháp và kĩ năng quản trị văn phòng như: tổ chức bộ máy làm việc, tổ chức

nhân sự trong văn phòng, điều hành hoạt động của văn phòng và kiểm tra hoạt động của văn phòng; ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác văn phòng.

9.6.59. Lý thuyết hệ thống: 2TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.101.2

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về lý thuyết hệ thống, giúp sinh viên có khả năng giải quyết các vấn đề như ra quyết định, giải quyết xung đột, phân tích chính sách một cách khoa học, tư duy, logic...

9.6.60. Nhiếp ảnh: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhiếp ảnh; máy ảnh truyền thống và máy ảnh kỹ thuật số; các tính năng kỹ thuật cơ bản của máy ảnh số; cách xử lý ánh sáng và bố cục; các thể loại ảnh; cách sử dụng phần mềm photoshop để xử lý hình ảnh và truyền ảnh qua internet.

9.6.61. Thanh nhạc thực hành: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thanh nhạc như: hơi thở, khẩu hình, các tư thế khi hát, vị trí âm thanh, các kỹ thuật ca hát, hát chuyển giọng; luyện tập vị trí âm thanh trên các âm khu của giọng; phương pháp ứng dụng các kỹ thuật thanh nhạc; thực hành học hát những bài hát có sắc thái khác nhau.

9.6.62. Thanh toán quốc tế trong du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kinh doanh của thị trường hối đoái và thanh toán quốc tế; điều kiện tài chính và tiền tệ khi ký kết các hợp đồng du lịch quốc tế cũng như những giải pháp nhằm hạn chế rủi ro; các điều kiện áp dụng của các phương tiện thanh toán quốc tế cũng như các phương thức thanh toán quốc tế thường được áp dụng tại các doanh nghiệp du lịch.

9.6.62. Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1: 3TC

Điều kiện tiên quyết: NN2.1.003.4

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về du lịch, đại lý du lịch, công ty lữ hành và những động lực thúc đẩy ngành du lịch phát triển. Học phần mở rộng cho sinh viên các thuật ngữ, tình huống giao tiếp phổ biến trong lĩnh vực lữ hành.

9.6.63. Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2: 2TC

Điều kiện tiên quyết: NN2.1.009.3

Học phần tiếp tục củng cố từ vựng và kỹ năng trong các tình huống giao tiếp thông thường mà sinh viên đã tích lũy trong chương trình tiếng Anh chuyên du lịch 1; tiếp tục trang bị cho sinh viên các thuật ngữ, tình huống giao tiếp phổ biến trong lĩnh vực lữ hành; qua các bài đọc và bài luyện, tiếp tục cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức và luyện thêm kỹ năng tiêu biểu thuộc lĩnh vực lữ hành.

9.6.64. Quản trị thực phẩm và đồ uống: 3TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.077.2, VD2.1.002.3

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về ngành kinh doanh thực phẩm và đồ uống, cơ cấu tổ chức và đội ngũ nhân sự của bộ phận ẩm thực trong khách sạn, kiến thức về bữa ăn và thực đơn, các hình thức phục vụ cơ bản trong kinh doanh thực phẩm và đồ uống, tổ chức phục vụ tại nhà hàng, tiệc và tổ chức phục vụ, tổ chức phục vụ tại quầy bàn - bar, kỹ thuật phục vụ bàn - bar, vệ sinh và an toàn thực phẩm, thực hành tại các khách sạn, nhà hàng, các hoạt động khác trong quản trị thực phẩm, đồ uống.

9.6.65. Tuyển điểm du lịch Việt Nam: 3TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1262

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch, các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động hướng dẫn du lịch; các kiến thức về tự nhiên, văn hoá, lịch sử, kết cấu hạ tầng của các tuyến điểm du lịch chính và một số chương trình du lịch chủ yếu của các vùng du lịch trong cả nước.

9.6.66. Nghiệp vụ lữ hành: 3TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.002.3; VD2.1.015.2

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về hoạt động lữ hành, kinh doanh lữ hành, doanh nghiệp lữ hành, sản phẩm lữ hành, chức năng, vai trò của doanh nghiệp lữ hành; các quy định pháp lí trong việc thành lập doanh nghiệp lữ hành tại Việt Nam; các căn cứ và nguyên tắc tổ chức, đưa doanh nghiệp vào hoạt động; quy trình nghiệp vụ trong việc xây dựng chương trình du lịch, tổ chức định giá và thực hiện các chương trình du lịch, các nghiệp vụ thiết lập quan hệ và hợp tác trong kinh doanh lữ hành; các nguyên lí và cách thức tổ chức các hoạt động marketing, phát triển thị trường khách, hệ thống kênh phân phối của các doanh nghiệp lữ hành.

9.6.67. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch: 3TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.016.3

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch; những phong cách và đức tính, phẩm chất và năng lực của hướng dẫn viên; phân tích, đánh giá được những yếu tố khách quan cơ bản có tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch; các yêu cầu về xây dựng chương trình tham quan du lịch; chuẩn bị và thiết kế được bài thuyết minh về các điểm du lịch; tổ chức được hoạt động hướng dẫn du lịch và thành thạo các phương pháp hướng dẫn tham quan; xử lí được các tình huống phát sinh trong hoạt động hướng dẫn du lịch; nhận biết được vai trò của hướng dẫn viên du lịch, các vấn đề về du lịch bền vững và giao tiếp đa văn hóa.

9.6.68. Quản trị kinh doanh lữ hành: 3TC

Điều kiện tiên quyết: KT2.007.2

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận cơ bản về kinh doanh lữ hành, những nội dung hoạt động của nó; quy trình xây dựng và thực hiện chương trình du lịch trên cơ sở phân tích môi trường kinh doanh và lựa chọn chiến lược, chính sách kinh doanh phù hợp với từng thời kỳ. Đồng thời giới thiệu cho người học những nét cơ bản về xu hướng phát triển du lịch và những giải pháp phát triển kinh doanh lữ hành ở Việt Nam.

9.6.69. Xúc tiến du lịch: 2TC

Điều kiện tiên quyết: KT2.112.3

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất của hoạt động xúc tiến; các công cụ xúc tiến cơ bản; tiến trình xây dựng và quản lý kế hoạch xúc tiến cho doanh nghiệp và sản phẩm du lịch đặc biệt; tiến trình xây dựng và quản lý kế hoạch quảng cáo; các hình thức quảng cáo cơ bản; hình thành và thiết kế thông điệp du lịch.

9.6.70. Du lịch sinh thái - văn hóa: 4TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.126.2

Học phần bao gồm những kiến thức cơ về du lịch sinh thái - văn hóa; các nguyên tắc; cách nhận diện giá trị phục vụ cho việc phát triển du lịch sinh thái văn hóa; Các kỹ năng, nghiệp vụ cần thiết của hướng dẫn viên đối với nhà điều hành, xây dựng và tổ chức chương trình du lịch sinh thái - văn hóa; quản lý và khai thác tài nguyên văn hoá, sinh thái quốc gia trong kinh doanh du lịch.

9.6.71. Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực Việt Nam: 2TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.091.2

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nghệ thuật ẩm thực Việt Nam: cách lựa chọn nguyên liệu, thực phẩm, gia vị; phương pháp chế biến, trình bày món ăn; những điểm đặc sắc trong văn hóa ẩm thực của dân tộc Việt Nam; sự khác biệt giữa các món ăn Việt Nam với một số nước trên thế giới; món ăn của các dân tộc Việt Nam theo vùng miền và theo dân tộc; đồ uống Việt Nam; phương pháp xây dựng thực đơn kết hợp giữa ăn và uống.

9.6.72. Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.002.3

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về hệ thống cơ sở lưu trú du lịch; cách phân loại các loại hình cơ sở lưu trú du lịch; cơ sở vật chất kỹ thuật trong kinh doanh lưu trú du lịch; các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn loại hình cơ sở lưu trú du lịch của khách; các yếu tố trong khách sạn (loại hình cơ sở lưu trú du lịch chủ yếu, phổ biến nhất trong hệ thống cơ sở lưu trú du lịch); hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam về các lĩnh vực chủ yếu; năng lực phục vụ và xu hướng phát triển của hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam.

9.6.73. Diễn giảng công cộng: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.126.2

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm nghiệp vụ nói trước công chúng; công việc, nguyên tắc - kỹ năng diễn giảng công cộng; các quan niệm diễn giảng công cộng và các thuật ngữ liên quan đến diễn giảng công cộng; vai trò của diễn giảng công cộng trong cuộc sống, công việc và trong vấn đề thực hành nghề du lịch.

9.6.74. Tổ chức và quản lý du lịch cộng đồng: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Điều kiện tiên quyết:

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về phát triển và quản lý du lịch cộng đồng: khái niệm cộng đồng, cộng đồng địa phương, du lịch cộng đồng; đặc điểm của du lịch cộng đồng; điều kiện, mục tiêu, nguyên tắc cơ bản phát triển du lịch cộng đồng; vai trò của các bên tham gia du lịch cộng đồng; các loại hình du lịch, dịch vụ có sự tham gia của du lịch cộng đồng; tác động của du lịch cộng đồng đến cộng đồng dân cư; đặc điểm của khách tham gia du lịch cộng đồng; mô hình cộng đồng cư dân tham

gia du lịch cộng đồng; các bước triển khai mô hình du lịch cộng đồng; một số mô hình du lịch cộng đồng ở Việt Nam; một số giải pháp phát triển du lịch cộng đồng.

9.6.75. Kiến trúc, mỹ thuật truyền thống: 2TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1038.4

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam truyền thống qua các thời kì lịch sử; các loại hình, các hình thức du lịch khai thác kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam truyền thống; các loại sản phẩm du lịch kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam truyền thống chủ yếu; các hình thức hoạt động và dịch vụ du lịch dựa trên khai thác di sản kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam truyền thống chủ yếu; các điểm đến của du lịch kiến trúc, mỹ thuật; những tác động của du lịch đến các di sản kiến trúc, mỹ thuật; những yêu cầu về bảo tồn và phát huy giá trị của kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam truyền thống trong du lịch.

9.6.76. Tài nguyên du lịch Tây Bắc: 3TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.126.2

Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của Tây Bắc; tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn của Tây Bắc; hình thức du lịch, khu du lịch, điểm, tuyến du lịch, các sản phẩm du lịch ở Tây Bắc.

9.6.77. Quản trị lễ tân và buồng:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về các hoạt động của bộ phận tiền sảnh; vai trò của bộ phận tiền sảnh trong hoạt động kinh doanh của một cơ sở lưu trú; các hoạt động từ khâu nhận đặt phòng đến lúc khách check-out và thanh toán tiền; cách quản lí nhân sự và hoạt động của bộ phận tiền sảnh, bộ phận phục vụ buồng khách sạn.

9.6.78. Quản trị kinh doanh khách sạn: 3TC

Điều kiện tiên quyết: KT2.1.077.2

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về ngành kinh doanh khách sạn, quản trị kinh doanh khách sạn; nhiệm vụ chính của nhà quản trị kinh doanh khách sạn; hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn; cơ cấu tổ chức và quản trị nhân lực trong kinh doanh khách sạn; hoạch toán kinh doanh trong khách sạn; chức năng lãnh đạo và vai trò của giám đốc trong kinh doanh khách sạn; tổ chức phối hợp các hoạt động trong khách sạn.

9.6.79. Tổng quan về sự kiện: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về hệ thống cơ sở lưu trú du lịch; Cách phân loại các loại hình cơ sở lưu trú du lịch; Cơ sở vật chất kĩ thuật trong kinh doanh lưu trú du lịch; Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn loại hình cơ sở lưu trú du lịch của khách; các yếu tố trong khách sạn (loại hình cơ sở lưu trú du lịch chủ yếu, phổ biến nhất trong hệ thống cơ sở lưu trú du lịch); Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam về các lĩnh vực chủ yếu; Năng lực phục vụ và xu hướng phát triển của hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam.

9.6.80. Tổ chức sự kiện: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về cách thiết kế, tổ chức và sản xuất sự kiện, bao gồm: đánh giá nhu cầu, xây dựng kịch bản sự kiện; xây dựng kế hoạch và lập ngân sách sự kiện; thiết kế và chuẩn bị; sản xuất phim/video/các ấn phẩm liên quan; tổ chức và điều phối hoạt động; quản trị nhân sự và trang thiết bị; thương thảo và kí kết hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ; nghiên cứu trường hợp và công tác tổ chức biểu diễn trong một số trường hợp cụ thể.

9.6.81. PR và truyền thông cho sự kiện: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các vấn đề cơ bản của quan hệ công chúng và truyền thông cho sự kiện. Phân tích đánh giá được các rủi ro trong ngành PR và truyền thông cho sự kiện để giải quyết một số khủng hoảng truyền thông.

9.6.82. Quản trị sự kiện: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản trị sự kiện chiến lược như: các khái niệm chủ yếu; lập kế hoạch chiến lược cho sự kiện; marketing chiến lược và tạo thương hiệu cho sự kiện; quản trị sự kiện và thực tiễn kinh doanh; tổ chức sự kiện chiến lược, quản trị nhân sự; kiểm soát ngân sách trong tổ chức sự kiện; các yếu tố về mặt đạo đức, nghề nghiệp và luật pháp trong sự kiện; quản trị những tác động về mặt xã hội và kinh tế của sự kiện.

9.6.83. Thực hành lập dự án sự kiện: 2TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.03.1.3

Học phần bao gồm những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực hành dự án sự kiện như: Lựa chọn nhân sự tổ chức dự án; Xây dựng chủ đề và ý tưởng; Lập kế hoạch tổ chức sự kiện; Thiết lập quan hệ với nhà cung cấp; Tài trợ cho sự kiện; Marketing cho sự kiện. Từ đó, biết cách thực hành những kỹ năng về tổ chức sự kiện.

9.6.84. Ý tưởng kịch bản và sự kiện: 2TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.022.2

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về thiết kế sự kiện; quy trình xây dựng ý tưởng, kịch bản và lập kế hoạch cho sự kiện; những nguyên tắc quan trọng khi thiết kế ý tưởng sự kiện và kịch bản sự kiện; các khía cạnh chủ đạo liên quan đến ý tưởng và concept sự kiện như trang trí, màu sắc, âm thanh, ánh sáng, hiệu ứng nghệ thuật khác; một số kỹ thuật phục vụ cho việc xây dựng ý tưởng và kịch bản; quản lí những vấn đề phát sinh khi thiết kế sự kiện.

9.6.85. Gây quỹ và tìm tài trợ: 2TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.022.2

Học phần bao gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về gây quỹ và thu hút tài trợ cho các tổ chức văn hoá nghệ thuật như: khái niệm, nguyên tắc gây quỹ; quy trình phát triển quỹ, điều hành và thực hiện chiến lược gây quỹ; các nguồn, những hình thức gây quỹ và tìm tài trợ. Qua đó, giúp người học hình thành những kỹ năng cơ bản giải quyết các vấn đề, tình huống trong quá trình thực tế, thực hành nghề Quản lí văn hóa.

9.6.86. Thực tập 1 (Thực tập tổng hợp): 4TC

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Học phần bao gồm những kiến thức thực tiễn, kiến thức đầy đủ về nơi thực tập, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

9.6.87. Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Lữ hành): 4TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.038.4

Học phần bao gồm những kiến thức thực tiễn tác nghiệp các nội dung nghiệp vụ trong việc xây dựng chương trình du lịch; tổ chức định giá và thực hiện các chương trình du lịch; các nghiệp vụ thiết lập quan hệ và hợp tác trong kinh doanh lữ hành; cách thức tổ chức các hoạt động marketing, phát triển thị trường khách, hệ thống kênh phân phối của các doanh nghiệp lữ hành.

9.6.88. Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Khách sạn): 4TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.038.4

Học phần bao gồm những kiến thức thực tiễn tiếp cận môi trường thực tế (khách sạn, cơ sở thực tập) để thực hiện các thao tác, kỹ năng nghiệp vụ cụ thể liên quan tới nghề nghiệp như: nghiệp vụ sảnh, buồng, Bar, bàn....

9.6.89. Thực tập 2 (Chuyên ngành Quản trị Sự kiện): 4TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.038.4

Học phần bao gồm những kiến thức thực tiễn, trực tiếp tác nghiệp các nội dung nghiệp vụ trong việc xây dựng ý tưởng, kịch bản, tổ chức định giá và thực hiện các sự kiện, các nghiệp vụ thiết lập quan hệ và hợp tác trong kinh doanh sự kiện, cách thức tổ chức các hoạt động truyền thông và marketing, phát triển thị trường...

9.6.90. Thực tập 3 (Thực tập tốt nghiệp): 4TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.039.4; VD2.1.040.4, VD2.1.041.4

Học phần bao gồm các kiến thức thực tiễn, trực tiếp tác nghiệp một trong các nội dung thực tập sau: Quản trị lữ hành, Quản trị sự kiện, Quản trị khách sạn theo yêu cầu của người hướng dẫn; hoàn thành đầy đủ và chính xác các yêu cầu của cơ sở thực tập cả về mặt chuyên môn, kỉ luật lao động và ý thức trách nhiệm.

9.6.91. Khóa luận TN: 6TC

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tất cả các học phần chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành.

Sinh viên biết vận dụng kiến thức và thực tiễn vào nghiên cứu khoa học; giải quyết các vấn đề cụ thể của đề tài nghiên cứu khoa học đặt ra thuộc phạm vi chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành.

9.6.92. Tài nguyên và kinh doanh du lịch: 3TC

Điều kiện tiên quyết:

Học phần bao gồm hệ thống kiến thức về tài nguyên du lịch, đặc điểm và phân bố tài nguyên du lịch nước ta, các hoạt động kinh doanh trong kinh tế du lịch, quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị kinh doanh khách sạn, quản trị sự kiện.

9.6.93. Quản lí và bảo vệ môi trường du lịch: 3TC

Điều kiện tiên quyết: VD2.1.081.2; VD2.1.082.2

Học phần bao gồm những kiến thức và về kỹ năng cơ bản về thanh nhạc như: hơi thở, khẩu hình, các tư thế khi hát, vị trí âm thanh, các kỹ thuật ca hát, hát chuyên giọng; luyện tập vị trí âm thanh trên các âm khu của giọng; phương pháp ứng dụng các kỹ thuật thanh nhạc; thực hành học hát những bài hát có sắc thái khác nhau

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành năm 2020 đã được đối sánh về chuẩn đầu ra, nội dung chương trình đào tạo với các trường Đại học uy tín khác làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình đào tạo. Kết quả như sau:

- a. Về thời gian đào tạo của các trường đều kéo dài 04 năm, chia làm 08 học kỳ.
- b. Tổng số kiến thức toàn khóa
 - Trường Đại học Cần Thơ: 140 tín chỉ
 - Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội: 137 tín chỉ
 - Trường Đại học Tân Trào: 129 tín chỉ

Trong quá trình đối sánh cho thấy CTĐT ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của Trường Đại học Tân Trào khá tương đương với các cơ sở đào tạo khác, phù hợp và đảm bảo yêu cầu về lượng kiến thức tối thiểu mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học đáp ứng với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c. Khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo các trường được so sánh như sau:

Tên trường	Tên chương trình	Khối lượng kiến thức			Tổng số TC của chương trình
		GD đại cương	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành	
ĐH Cần Thơ	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	46	39	55	140
ĐH Khoa học XH và NV Hà Nội	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	53	35	49	137
ĐH Tân Trào	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	29	55	39	129

Số tín chỉ bắt buộc: Đảm bảo tính cân đối, khá tương đồng với chương trình đào tạo của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Đà Nẵng, phù hợp với yêu cầu đào tạo.

Số tín chỉ tự chọn: Đại học Tân Trào tăng cường tín chỉ tự chọn phần kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị tốt nhất cho sinh viên những kỹ năng chuyên ngành gắn chặt với kiến thức thực tế.

Số lượng các học phần Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp được chú trọng và tăng cường nhằm nâng cao, rèn luyện kỹ năng ứng dụng vào thực tiễn cho sinh viên.

Chương trình đào tạo của Trường Đại học Tân Trào là phù hợp so với các Trường Đại học khác, đáp ứng yêu cầu đào tạo và theo định hướng thực hành.

Kết luận: Qua số liệu của các bảng tổng hợp về kiến thức toàn khóa, khối lượng kiến thức và số học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trình độ Đại học hệ chính quy do Trường Đại học Tân Trào xây dựng và chỉnh sửa so với chương trình đào tạo của các trường Đại học khác có thể khẳng định: chương trình đào tạo Trường Đại học Tân Trào đảm bảo chất lượng, đảm bảo được những quy định chung trong các văn bản pháp quy và đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành đã được rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch của trường Đại học Tân Trào, từ tháng 2 năm 2020 đến tháng 10 năm 2020 khi tiến hành rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo. Được phê duyệt và ban hành vào tháng 10 năm 2020 theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào.

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 10 năm 2020

**KHOA VĂN HÓA - DU LỊCH
PHỤ TRÁCH KHOA**

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Bá Đức

A blue ink signature is written over the text 'PHỤ TRÁCH KHOA'.

TS. Hà Thúy Mai